

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/3/2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Hương và ông Phạm Ngọc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/3/2021, tại phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2021 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 01/2021 ngày 03/3/2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa, chị L vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt; anh H và những người làm chứng đều vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G đăng ký kết hôn vào ngày 28/9/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng nhà với bố anh H tại thôn V, xã T, huyện G. Từ cuối năm 2013, giữa hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và lối sống. Có lần khi chị đi làm về thì bị bố chồng (ông Nguyễn Văn Tr) và chồng khóa cổng không cho vào, chị phải về nhà ngoại ở. Vài ngày sau, anh H sang nói chuyện, xin lỗi nên chị quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, cuộc sống chung không vui vẻ, ông Tr không tạo điều kiện sinh hoạt cho chị như cắt nguồn điện gia đình, không cho chị sử

dụng nhà vệ sinh, bếp ga..., luôn để ý và không hài lòng về bất kỳ việc gì chị làm; còn anh H thì không có quan điểm, chính kiến cá nhân. Năm 2016, chị lại bị bố chồng đuổi, anh H nghe theo lời bố cũng thu dọn vứt đồ dùng cá nhân của chị và đuổi chị đi nên chị phải về nhà ngoại. Một thời gian sau, ông Tr cũng đuổi bố con anh H. Anh H thuê nhà trọ ở thôn Th, xã L, huyện G ở. Chị L biết chuyện, được mọi người khuyên nhủ nên đã về sống cùng bố con anh H. Tháng 9/2016 chị phải mổ và điều trị bệnh về tuyến giáp, chị được anh H đồng ý cho về nhà ngoại chăm sóc sức khỏe. Tháng 11/2017, ông Tr bị tai nạn qua đời, bố con anh H quay về sống cùng với mẹ tại nhà của bố mẹ anh. Anh H nói khi nào anh đồng ý thì chị mới được quay về. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh H không gặp chị nữa. Chị gọi điện thoại thì anh H chặn số. Dần dần hai người không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nay chị xác định anh chị không còn tình cảm, không thể hàn gắn, đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Về con chung: Chị và anh H có một con chung là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 17/9/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh H trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, chị L trình bày do hoàn cảnh chị bị bệnh, đau ốm thường xuyên phải đi điều trị, mua thuốc uống định kỳ tốn kém, chị không có đủ điều kiện nuôi con; chị có công việc, thu nhập nhưng toàn bộ thu nhập đều để chữa bệnh thậm chí phải có sự hỗ trợ kinh tế của bố mẹ chị. Do đó chị đề nghị anh H tiếp tục nuôi con, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, nếu anh H không đồng ý thì chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không đề nghị giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn- anh Nguyễn Văn H thể hiện: Anh xác định anh và chị L đăng ký kết hôn ngày 28/9/2013 tại UBND xã T. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau, chị L thường hay giận dỗi vì bất kỳ lý do nhỏ to gì, mỗi lần như vậy chị L đều về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh phải sang nói chuyện, xin lỗi rồi chị L quay lại với anh. Thời điểm vợ chồng thuê nhà trọ ở thôn T, xã L, huyện G, chị L phải đi mổ và điều trị về tuyến giáp, anh đồng ý cho chị L về nhà ngoại để dưỡng sức nhưng cũng từ đó chị L không còn quan tâm đến bố con anh và gia đình anh, ngay cả khi bố anh qua đời chị L cũng không về. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay chị L xin ly hôn, anh nhất trí. Về con chung: Hiện nay anh đang nuôi con chung của anh chị là cháu Nguyễn Tùng L, sinh ngày 17/9/2014. Anh đề nghị được tiếp tục nuôi con và yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không đề nghị giải quyết.

- Lời khai của bà Vũ Thị Nh là mẹ đẻ anh H xác định: Sau khi anh H, chị L kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, chị L về sống cùng gia đình bà. Bà ở cùng gia đình khoảng 10 tháng thấy vợ chồng anh H sống vui vẻ. Sau đó bà đi sang nước ngoài làm ăn cho đến năm 2017, ông Trường (chồng bà) qua đời nên bà đã về nước ở hẳn cho đến nay. Khi bà về nhà thì đã thấy chị L không còn sống cùng với bố con anh H. Hai bên xảy ra mâu

thuần gì bà không biết. Việc ly hôn và nuôi con chung là do anh H và chị L tự quyết định, nếu chị L quay lại bà và gia đình luôn đón nhận.

- Bà Nguyễn Thị H là mẹ của chị L trình bày: Khi chị L về sống cùng với gia đình chồng, ông Tr là bố anh H không hài lòng về cách ăn ở, sinh hoạt của chị L, còn anh H không có quan điểm, lập trường, luôn bị ảnh hưởng và nghe theo lời người khác. Chị L ở nhà chồng nhưng nhiều lần bị anh H và ông Tr đuổi. Mỗi lần đó đều được vợ chồng bà khuyên nhủ, vun vén nên chị L lại quay về đoàn tụ. Năm 2016, bố con anh H bị ông Tr đuổi nên phải thuê nhà trọ tại thôn T, xã L, lúc đó chị L đang ở nhà bà, vợ chồng bà đã động viên, khuyên chị L về sống cùng chồng con nên gia đình đã đoàn tụ. Tháng 9 năm 2016 chị L mở tuyến giáp, được anh H đồng ý cho về nhà bà để gia đình bà chăm sóc sức khỏe cho chị L. Do phải kiêng vía lạnh nên khi bố anh H qua đời chị L không về chịu tang được, gia đình bà đã báo cáo với gia đình thông gia. Nhưng cũng từ đó anh H không còn quan tâm, hỏi han gì đến chị L nữa, dần dần anh chị không còn liên lạc với nhau, cuộc sống độc lập. Nay chị L xin ly hôn anh H, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giao con chung của anh chị là cháu Nguyễn Tùng L cho anh H tiếp tục nuôi để cuộc sống của cháu được ổn định, bảo đảm hơn và vì sức khỏe của chị L yếu, chị L đi làm có thu nhập nhưng gia đình bà vẫn phải hỗ trợ kinh tế chăm sóc sức khỏe cho chị L.

- Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã T thể hiện: Anh H và chị L kết hôn từ năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình chung sống cùng gia đình anh H, địa phương thấy chị L thường về nhà ngoại ở một thời gian rồi lại quay về nhà chồng. Hai bên không xảy ra cãi nhau lớn tiếng còn mâu thuẫn cụ thể của anh chị là gì địa phương không nắm rõ. Năm 2017 bố anh H là ông Trường qua đời nhưng không thấy chị L về chịu tang, tìm hiểu thì được biết do thời điểm đó chị L mở tuyến giáp phải kiêng đám ma, kiêng lạnh nên không về được. Anh H và chị L sống ly thân năm 2018 cho đến nay. Anh H và con chung sống cùng nhà với mẹ anh H, còn chị L sống tại nhà bố mẹ đẻ chị. Nay chị L đề nghị ly hôn và giải quyết việc nuôi con, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên và con chung được phát triển tốt nhất.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị L thể hiện quan điểm xin được ly hôn anh H và đề nghị anh H tiếp tục nuôi con chung, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đồng cho đến khi con thành niên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết, xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tùng L cho anh H nuôi dưỡng đến năm 18 tuổi trưởng thành. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Về án phí: Chị L chịu 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn H trú tại xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ; chị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai, không có lý, người làm chứng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, người làm chứng tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Văn H là tự nguyện, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (là Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương) đăng ký kết hôn, cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh H và chị L là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn (ngày 28/9/2013). Qua lời khai của các bên đương sự và kết quả xác minh, thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy trong quá trình chung sống, từ cuối năm 2013 sau khi kết hôn được mấy tháng giữa chị L và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp được với nhau và với cuộc sống chung của gia đình. Chị L cho rằng anh H không có quan điểm, lập trường nên đã nhiều lần nghe theo lời bố đuổi chị đi, rồi lại bảo chị quay về. Khi chị quay về sống cùng anh và gia đình chồng, giữa hai bên vẫn xảy ra bất hòa, mâu thuẫn không có gì cải thiện, cuộc sống chung không thoải mái, vui vẻ. Năm 2016 có thời gian vợ chồng đoàn tụ, sống chung cùng nhau tại nhà trọ ở thôn T, xã L, huyện G. Tháng 9/2016 chị ốm yếu phải kiêng cử, bồi dưỡng sức khỏe nên được anh H đồng ý cho về nhà ngoại để tiện cho việc chăm sóc sức khỏe nhưng cũng từ đó hai bên không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị L xin ly hôn, anh H nhất trí. Khi Tòa án triệu tập anh chị tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (hai lần) anh H đều vắng mặt, không có lý do, qua đó thể hiện sự không tôn trọng pháp luật và càng thể hiện ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy hôn nhân giữa chị L và anh H không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung của anh chị trên thực tế đã chấm dứt đến nay không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều thống nhất ly hôn nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 17/9/2014. Anh H đề nghị được tiếp tục nuôi con và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng; còn chị L trình bày do hoàn cảnh chị bị bệnh, thường xuyên phải đi điều trị và uống thuốc định kì theo chỉ định của bác sĩ, chị không có điều kiện để nuôi con; chị có công việc, thu nhập nhưng toàn bộ thu nhập đó đều để chữa bệnh thậm chí phải có sự hỗ trợ kinh tế của bố mẹ chị. Do đó chị đề nghị anh H tiếp tục nuôi con, chị cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 1.000.000đồng, nếu anh H không đồng ý thì chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại đơn đề nghị vắng mặt của chị L trình bày vì hoàn cảnh, điều kiện chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đồng.

Hội đồng xét xử thấy khi anh chị sống ly thân, cháu L ở cùng anh H, anh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Để cuộc sống của cháu L được ổn định, không bị xáo trộn và cũng phù hợp với quan điểm của các đương sự, cần giao con chung cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh H đều là lao động tự do, có công việc, thu nhập, có điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Sau khi ly hôn, cả hai anh chị cùng phải có trách nhiệm, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình, khi anh chị ly hôn, người không trực tiếp nuôi con là chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là chị L, vào nhu cầu thiết yếu của cháu L trong việc học hành, mức sinh hoạt tối thiểu ở địa phương và phù hợp với hoàn cảnh riêng của đương sự. Tại đơn đề nghị vắng mặt chị L tự nguyện cấp dưỡng cho con với số tiền 1.500.000đồng/tháng là hoàn toàn hợp lý. Do đó, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của chị L, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.500.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2021 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Đương sự không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 482 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, 30 Luật Thi hành án dân sự; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 482 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Vũ Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 17/9/2014 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Vũ Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2021 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Vũ Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi bản án được ban hành, nếu chị L chậm thi hành số tiền cấp dưỡng cho con thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng là 600.000đồng. Đối trừ với số tiền 300.000đồng chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2017/0008895 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị L còn phải nộp số tiền 300.000đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Gia Lộc để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(đã ký tên, đóng dấu)
Trịnh Thị Ngọc Mai